

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2020

*V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phước
Ông Phan Văn Chiếu*

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc việc **“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp BT B, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.*

- *Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp BT B, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.*

(Anh T và chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau vào năm 2002, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh và chị N đã ly thân với nhau từ tháng năm 2015 cho đến nay.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 15/12/2003 và Trần Thị Chúc L, sinh ngày 05/3/2008 hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh và chị N đã thống nhất thỏa thuận giao các con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi người con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2020.

Về tài sản chung và nợ: Anh và chị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 15/6/2020:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất việc chị và anh T có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thống nhất chị và anh T đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 15/12/2003 và Trần Thị Chúc L, sinh ngày 05/3/2008 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao các con cho chị tiếp tục được nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi người con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2020.

Về tài sản chung và nợ: chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung:

Anh T và chị N được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh T và chị N là không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, căn cứ điểm c, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét, không công nhận anh T và chị N là vợ chồng; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh T và chị N; Về tài sản và nợ: Do anh T và chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh T yêu cầu ly hôn với chị N và chị N có địa chỉ tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đã được Tòa án chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, anh T và chị N có đám cưới và sống chung từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa anh T và chị N là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay phát sinh mâu thuẫn yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận anh T và chị N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh T và chị N có hai con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 15/12/2003 và Trần Thị Chúc L sinh ngày 05/3/2008. Khi ly hôn anh T và chị N thống nhất thỏa thuận giao các con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con của anh T và chị N là phù hợp với nguyện vọng của các con chung và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Chị N đang trực tiếp nuôi các con chung nên không phải buộc anh T giao con cho chị N. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T và chị N thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con cụ thể mỗi tháng cho mỗi người con là 745.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2020. Việc cấp dưỡng phải được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung và nợ: Anh T và chị N đã tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc anh T nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Anh T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004744 ngày 16/4/2020 được chuyển thu án phí; anh T phải nộp tiếp 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238; Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Tạm giao hai người con chung: Trần Thị C, sinh ngày 15/12/2003 và Trần Thị Chúc L, sinh ngày 05/3/2008 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các chung: Trần Thị Chân và Trần Thị Chúc Linh mỗi người con mỗi tháng 745.000 đồng, Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06 năm 2020 đến khi các người con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng phải thi hành ngay.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Văn T nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ. Anh T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004744 ngày 16/4/2020 được chuyển thu án phí; anh T phải nộp tiếp 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Kiều Song Toàn